

**CÔNG TY CỔ PHẦN PLAZY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PLAZY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PLAZY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PLAZY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109632769

**3. Ngày thành lập:** 13/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, tòa A, Ngõ 02, Số 47 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976.640.919

Fax:

Email: [ketoannoibo@mediasoft.vn](mailto:ketoannoibo@mediasoft.vn)

Website: <https://Plazy.vn>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết: Hoạt động biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, đồ họa máy tính (trừ hoạt động sản xuất phim)                                                                                                                       | 5912        |
| 2.  | Quảng cáo<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310(Chính) |
| 3.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791        |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4799        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741        |
| 12. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4742        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 14. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 15. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4783 |
| 16. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784 |
| 17. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4785 |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)                                             | 4789 |
| 19. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                          | 8531 |
| 20. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                       | 8532 |
| 21. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                        | 8533 |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                           | 8551 |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                             | 8552 |
| 24. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy máy tính.                             | 8559 |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn du học<br>- Tư vấn giáo dục (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                | 8560 |
| 26. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201 |
| 27. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209 |
| 29. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm                                                                                                                        | 5820 |
| 30. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện và không bao gồm hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng)  | 6311 |
| 31. | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                     | 6312 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                               | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | MAI THỊ<br>DUNG     | Thôn Đông Đa 2,<br>Thị trấn Tân<br>Phong, Huyện<br>Quảng Xương,<br>Tỉnh Thanh Hoá,<br>Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 20.000.000               | 1,000        | 0381870140<br>06                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Tổng số                            | 500           | 20.000.000               | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>MẠNH TIẾN | Số nhà 11A2, ngõ<br>122/46/14 đường<br>Kim Giang,<br>Phường Đại Kim,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 400.000.000              | 20,000       | 0380860000<br>20                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          | Tổng số                            | 10.000        | 400.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                |                                    |        |               |        |                  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|---------------|--------|------------------|
| 3 | MAI ĐÌNH<br>NGỌC | Thôn Đông Đa 2,<br>Thị trấn Tân<br>Phong, Huyện<br>Quảng Xương,<br>Tỉnh Thanh Hoá,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 39.500 | 1.580.000.000 | 79,000 | 0380900187<br>62 |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Tổng số                            | 39.500 | 1.580.000.000 | 79,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038086000020

Ngày cấp: 25/03/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 11A2, ngõ 122/46/14 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 11A2, ngõ 122/46/14 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội